TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 19/07/2023
Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Nghi.

Bà Trần Thị Lệ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 07 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST – HNGĐ ngày 27 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M – sinh năm 1990.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện trú tại địa chỉ: Xóm 7, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thế C – sinh năm 1990.

Nơi ĐKHKTT và trú tại: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Thế C sau thời gian tự do tìm hiểu 1 năm đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 20 tháng

07 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về làm ăn sinh sống tại xã K và chung sống hạnh phúc khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do cuộc sống luôn bất đồng quan điểm lối sống, mâu thuẫn cả vấn đề làm ăn kinh tế. Anh C sống không có trách nhiệm với gia đình vợ con, bản thân chị đã cố gắng nín nhịn và cố gắng khắc phục những mâu thuẫn vợ chồng để vợ chồng cùng nhau làm ăn và xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng nặng nề hơn. Do cuộc sống chung không hạnh phúc và do cả hai không còn tình cảm với nhau nữa nên chị M đã cùng với hai con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ chị M làm ăn sinh sống. Anh chị đã sống ly thân ba năm nay không quan tâm và liên lạc với nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và anh chị không có khả năng về đoàn tụ. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh C để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh C có hai con chung cháu Nguyễn Tuấn M sinh ngày 09 tháng 03 năm 2017 và cháu Nguyễn Bích N, sinh ngày 29 tháng 1 năm 2020. Hiện nay các cháu đang ở cùng với chị. Nay ly hôn chị nhận nuôi cả hai cháu M và N. Chị không yêu C1 anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh C không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu C1 Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Thế C hiện đang cư trú cùng bố đẻ là ông Nguyễn Thế C1 tại xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Thế C và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh C bản thân anh Chị cũng đã biết việc chị M có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh C không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu C1 khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M ly hôn anh Nguyễn Thế C.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn M sinh ngày 09 tháng 03 năm 2017 và cháu Nguyễn Bích N, sinh ngày 29 tháng 1 năm 2020 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Thế C phải cấp dưỡng đối với các con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị M nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Thế C phải nộp án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị M có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Thế C có nơi cư trú tại: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Thế C, anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thế C có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 07 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về làm ăn sinh sống tại xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, công việc làm ăn nên thường xuyên cãi chửi nhau. Bản thân chị C đã cố gắng tìm các biện pháp để khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị M và anh C đã sống ly thân nhau ba năm nay mỗi người một nơi và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh C không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện anh C không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng và chỉ tồn tại trên danh nghĩa.

Biên bản xác M tại Ủy ban nhân dân xã K thể hiện: Chị M và anh C là công dân và đang cư trú tại xã K. Anh C hiện đang sống cùng với bố mẹ đẻ là ông C1, bà Dịu tại xóm 2, xã K, tỉnh Ninh Bình. Sau thời gian tìm hiểu thì anh C, chị M kết hôn với nhau năm 2016 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị C M về sinh sống cùng ông bà C1. Quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, qua nắm bắt tại cơ sở thì anh chị mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong vấn đề làm ăn kinh tế, đồng thời cũng có nhiều mâu thuẫn lặt vặt khác nữa nhưng chính quyền cơ sở không nắm được cụ thể. Khoảng từ năm 2020 chị M chuyển về nhà mẹ đẻ ở xóm 7, xã K làm ăn sinh sống không về sống cùng anh C và gia đình anh C nữa. Con chung của vợ chồng chị M anh C có hai con chung cháu Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2017, cháu Nguyễn Bích N sinh ngày 29 tháng 1 năm 2020. Nay cả hai cháu đang ở cùng với chị M. Về mức thu nhập do cả hai anh chị làm tự do nên chính quyền cơ sở không nắm được cụ thể mức thu nhập của hai anh chị. Nay chị M xin ly hôn anh C đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh C đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau ba năm nay và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu C1 xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị M và anh C có hai con chung cháu Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2017, cháu Nguyễn Bích N sinh ngày 29 tháng 1 năm 2020. Nay cả hai cháu đang ở cùng với chị M. Nay ly hôn chị M có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu C1 anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con. Về phía anh C không có ý kiến gì về việc giải quyết các vấn đề trong vụ án, cũng như không có ý kiến gì về việc nuôi con sau khi ly hôn. Nay để không làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý và môi trường sống sinh hoạt của các cháu nên giao cả hai cháu cho chị M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu các cháu thành niên và tự lập được cuộc sống. Về vấn đề cấp dưỡng đối với con chung mặc dù C M không yêu C1 cấp dưỡng, tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi của các con trong vụ án Hôn nhân gia đình nay cần buộc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng đối hai cháu M và N là 1.000.000đ/ tháng/ cháu. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và tự lập được cuộc sống là phù hợp với với điều 82, 83 Luật Hôn nhân nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thế C phải nộp 300.000đ án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu C1 khởi kiện của chị Nguyễn Thị M

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thế C. (Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh C chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về con chung: Giao cả hai cháu Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2017, cháu Nguyễn Bích N sinh ngày 29 tháng 1 năm 2020 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu M và cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh nguyễn Thế C có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với hai cháu M và N là 2.000.000đ (cháu M 1.000.000đ và cháu N 1.000.000đ). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi các con chung thành niên và tự lập được cuộc sống. Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004840 ngày 05 tháng 04 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Anh Nguyễn Thế C phải nộp 300.000đ án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã K, huyện K.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Trần Thị Khanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- C cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Định Hòa, huyện Lai Vung.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- C cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Quang Thiện.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- C cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Yên Lộc, huyện K,
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- C cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Kim Định, huyện K,
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- C cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Nga Thái, huyện Nga Sơn,
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- C cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Lai Thành, huyện K
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- C cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Ân Hòa, huyện K
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- C cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Lai Thành, huyện K
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- C cục THA dân sự huyện K
- UBND thị trấn Bình M, huyện K
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- C cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Yên Mật, huyện K
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- C cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Hùng Tiến, huyện K
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Khanh